

NHỮNG YÊU CẦU ĐẶT RA ĐỐI VỚI CON NGƯỜI TRƯỚC SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÁCH MẠNG KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI

NCS. Nguyễn Thái Sơn

Trước sự tác động mạnh mẽ của cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại đối với đời sống con người, chúng ta thấy rằng trong giai đoạn hiện nay, con người cần phải có những thay đổi. Con người từ chỗ là chủ thể năng động sáng tạo của cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại đang dần dần trở thành một sản phẩm của khoa học - công nghệ. Do đó, sự thay đổi đối với con người là một tất yếu khách quan. Con người cần phải thay đổi để thích nghi với môi trường mới, với hoàn cảnh mới. Tuy nhiên cần phải xác định một cách thực tiễn sự thay đổi đối với con người. Không thể bàn về vấn đề này một cách chung chung bởi như thế sẽ không đem lại hiệu quả gì. Trong bài viết này, chúng tôi xác định giải quyết vấn đề bằng cách đặt ra những yêu cầu cụ thể đối với con người trước sự phát triển của cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại.

1. Yêu cầu về thái độ và trách nhiệm lịch sử

Những thành tựu của cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại thường có tính hai mặt: chúng vừa đáp ứng, thoả mãn những nhu cầu vật chất, tinh thần ngày càng cao, càng phong phú của con người, mặt khác lại gây ra những hậu quả khó khăn và phức tạp trên nhiều khía cạnh buộc con người phải đối đầu, giải quyết. Các nhà máy điện nguyên tử là một ví dụ sinh động. Năng lượng nguyên tử rẻ, tiện lợi nhưng chất thải phóng xạ hay các vụ rò rỉ lò phản ứng lại quá nguy hiểm và để lại hậu quả lâu dài. Trước thực tế này, chúng ta thấy tâm lý chung của con người là thích hưởng thụ nhưng lại không dũng cảm đương đầu với khó khăn và hay chạy trốn trách nhiệm. Như vậy yêu cầu đầu tiên đặt ra đối với con người trong bối cảnh tác động của cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại là thái độ và trách nhiệm lịch sử. Con người không được phép thất vọng, chán nản, đầu hàng, chạy trốn trách nhiệm trước hành động lịch sử của mình. Con người phải thẳng

thần và dũng cảm đương đầu với các khó khăn thử thách đang đặt ra trước mắt bằng lương tâm trong sáng và trí tuệ minh mẫn. Đây là yêu cầu hết sức quan trọng, mang tính cơ bản và lâu dài, quyết định sự trường tồn của nhân loại.

Sự tác động mạnh mẽ của cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại làm khuynh đảo cuộc sống con người hôm nay đã gây ra tâm lý hoang mang, sợ hãi ở nhiều người, đặc biệt là ở các nước phương Tây. Do không xác định được xu hướng phát triển tương lai nên một số người muốn chối bỏ khoa học - công nghệ. Họ phủ định sự phát triển của khoa học - công nghệ. Họ cho rằng khoa học - công nghệ hiện đại đang đẩy lùi văn minh và đạo đức. Từ đây xuất hiện các trào lưu hoài cổ, muốn quay lại với quá khứ xa xăm, với văn minh tiền sử, trở lại với bảy người nguyên thủy ăn lông, ở lỗ trong tự nhiên hoang dại.

Những người thừa nhận quan điểm trên đây cho rằng các thành tựu của cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại là sự sáng tạo trong ngu xuẩn. Con người có đôi chân để di chuyển nhưng họ lại không thích di chuyển bằng chính đôi chân của mình mà lại thích sử dụng xe hơi, máy bay, tàu hoả... và do đó họ phải trả giá bằng các tai nạn giao thông thảm khốc. Tương tự như vậy là ô nhiễm môi trường, mất cân bằng sinh thái, đạo đức, tinh thần Thậm chí nhiều kẻ cực đoan điên rồ còn dùng bom thư và các phương tiện công nghệ hiện đại khác để truyền bá, phổ biến chủ trương này. Xét về thực chất, chúng ta thấy đây chỉ là một hình thức chán chường, mệt mỏi, đầu hàng, thất vọng của con người. Hoài cổ, quay trở lại với quá khứ, từ chối khoa học - công nghệ hiện đại không phải là thái độ tích cực chủ động. Chủ trương này không có sức thuyết phục vì nó không có tính hiện thực. Nó chỉ là ý kiến chủ quan, tiêu cực của một số ít người.

Một trạng thái khác của con người trong xã hội hiện đại là muốn giữ nguyên tình hình hiện tại, muốn tạm dừng sự thay đổi, muốn làm chậm lại bước tiến của cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại. Có thể tư tưởng này xuất phát từ nhiều mục đích, động cơ khác nhau. Chẳng hạn một số công ty, tập đoàn kinh tế vì mục đích lợi nhuận. Một số khác vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Một số khác nữa đơn giản chỉ vì sự thích nghi cá nhân... Tuy nhiên tư tưởng này hết sức phi thực

tế. Sự phát triển, tiến bộ của cách mạng khoa học - công nghệ là một tất yếu khách quan bắt nguồn từ các nhu cầu cơ bản, lớn lao của thời đại. Không thể đơn giản dùng ý chí chủ quan của con người để ngăn cản sự phát triển của cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại. Câu nói của Galile trước toà án giáo hội: "Nhưng dù sao trái đất vẫn quay" là một minh chứng hùng hồn đẩy sức thuyết phục cho nhận định này.

Một xu hướng khác khá phổ biến của con người hiện nay là tâm lý chối bỏ trách nhiệm. Họ dửng dưng, lạnh nhạt, thờ ơ với mọi thứ xảy ra. Lỗ thủng ozon hay rác thải công nghiệp, hiệu ứng nhà kính hay tệ nạn ma túy, mại dâm.... đối với họ đều không quan trọng. Những người này không biết hoặc cố tình không biết rằng một khi cuộc sống cộng đồng bị đe dọa thì cuộc sống cá nhân cũng chẳng thể nào yên ổn. Cá nhân không phải là ốc đảo khép kín. Chạy trốn vào vỏ ốc cá nhân và ngủ im trong đó không phải là điều tốt. Tại sao mỗi một cá nhân không tự hành động khi còn có cơ hội. Rõ ràng thái độ thờ ơ, dửng dưng, tình thần ý chí trách nhiệm của cá nhân trước cộng đồng là một yếu cầu hết sức quan trọng đối với con người trong thời đại ngày nay.

Cũng có nhiều người muốn hành động, muốn bày tỏ ý thức trách nhiệm cá nhân trước sự tác động của cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại. Tuy nhiên sự bày tỏ thái độ này lại dựa trên chủ nghĩa vô chính phủ, nổi loạn một cách tự phát. Những người này căm ghét cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại theo chủ nghĩa hư vô mù quáng và do đó họ hành động một cách hỗn loạn, không có cơ sở khoa học và không có định hướng đúng đắn. Những hành động này không đem lại hiệu quả chung và gây ra sự rối loạn, lộn xộn. Đây không phải là giải pháp đúng đắn cho những vấn đề đặt ra trước toàn nhân loại.

Rõ ràng cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại đang bắt buộc con người phải thay đổi. Nhưng cần phải hiểu rằng sự thay đổi ở đây là thay đổi trong trạng thái cân bằng. Cân bằng cả về tự nhiên, hệ sinh thái lẫn môi trường xã hội đạo đức và tinh thần trong đời sống con người. Nếu thay đổi không diễn ra trong trạng thái cân bằng dựa trên những cơ sở khoa học và các định hướng đúng đắn thì sẽ dẫn tới tình trạng phiến diện, lệch lạc, mất cân đối và điều này vô cùng nguy hiểm

bởi vì đây là điều kiện, là nguyên nhân dẫn đến những thảm họa khó lường.

2. Yêu cầu về phát huy năng lực sáng tạo

Để đạt được một sự thay đổi trong trạng thái cân bằng, tránh được những mất cân đối nguy hiểm, đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững, một yêu cầu cực kỳ quan trọng tiếp theo đối với con người trong thời đại ngày nay là phát huy cao độ khả năng sáng tạo. Như chúng ta đã biết, một trong những bản chất quý giá của con người là sáng tạo. Nhờ khả năng sáng tạo mà con người đã tạo ra một "tự nhiên thứ hai", đã biến thế giới tự nó thành thế giới cho ta. Hơn bao giờ hết, trong bối cảnh cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại, năng lực sáng tạo của con người lại trở nên cấp thiết, quý giá và có tầm quan trọng đặc biệt. Năng lực sáng tạo càng được phát huy bao nhiêu thì khả năng đối phó của con người đối với các loại tình huống được tăng cường bấy nhiêu. Năng lực sáng tạo bao giờ cũng gắn liền với hoạt động thực tiễn, được thể hiện thông qua hoạt động thực tiễn. Vì thế có thể hiểu bản chất của năng lực hoạt động thực tiễn chính là sáng tạo. Sáng tạo giúp cho con người linh hoạt nhạy bén, nhanh chóng nắm bắt tình hình, dễ dàng tạo ra sự ổn định hoặc chuyển hướng kịp thời. Sáng tạo đem lại thế chủ động, tạo ra tinh thần lạc quan. Sáng tạo là vũ khí hữu hiệu nhất của con người trong bối cảnh mới, trong thời đại mới.

Hoạt động sáng tạo phải dựa trên nền tảng là vốn tri thức, vốn sống, kinh nghiệm sống đã được cá nhân tích lũy. Do đó muốn nâng cao năng lực sáng tạo cho con người trong thời đại cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại cần phải đổi mới các hoạt động giáo dục trên một qui mô rộng lớn toàn nhân loại và bao hàm nội dung phong phú đa dạng trên nhiều khía cạnh. Xét ở một góc độ nào đấy, nền giáo dục hiện tại của nhân loại là nền giáo dục đem quá khứ vào hiện tại để rồi tái hiện quá khứ trong tương lai. Nhà trường và gia đình đem lại cho cá nhân những gì đã được đúc kết trong quá khứ dưới hình thức các giá trị truyền thống được định hình rõ ràng (tri thức và kinh nghiệm, đạo đức và văn hoá cá nhân). Nhiều khi những giá trị này quá xa rời thực tiễn và không có ích trong tương lai. Học sinh không được trang bị các công cụ để ứng xử thiết thực với hoàn cảnh đã thay đổi. Nền giáo dục

như vậy không đem lại hiệu quả cao trong thời đại cách mạng khoa học - công nghệ. Nhân loại đang cần có một nền giáo dục mới, nền giáo dục gắn liền với hoạt động thực tiễn và năng lực sáng tạo trong mọi hoàn cảnh của con người. Trong tương lai không xa, giáo dục phải hướng tới mục tiêu nhanh - linh hoạt - tự điều chỉnh bởi vì con người lúc đó sẽ không làm việc với vật liệu cụ thể mà chủ yếu làm các công việc liên quan tới tri thức và sáng tạo. Nền giáo dục mới là nền giáo dục nâng cao khả năng đối phó một cách sáng tạo của con người đáp ứng tốc độ biến đổi nhanh chóng của tin tức, sự kiện.

Dựa trên vai trò trách nhiệm và năng lực sáng tạo của con người, chúng ta thấy rằng vấn đề không phải là chối bỏ khoa học - công nghệ hiện đại mà là sử dụng cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại như thế nào. Con người là chủ thể của cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại nên con người có thể nắm bắt các xu hướng vận động, phát triển của cuộc cách mạng này. Trên cơ sở đó con người có thể vận dụng các thành tựu của cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại một cách tốt nhất nhằm mục tiêu giải phóng con người.

Vấn đề đặt ra trước mắt là phải kiểm soát được tốc độ phát triển của cuộc cách mạng này trên qui mô toàn cầu để hạn chế những tác động tiêu cực và phát huy những tác động tích cực. Các công nghệ mới trước khi được đem ra ứng dụng một cách rộng rãi cần phải được thử nghiệm kỹ lưỡng để xem xét mọi hậu quả có thể có trên mọi phương diện. Trong thực tế hiện nay có một tình trạng chung là do chạy theo lợi nhuận và những lợi ích trước mắt nên con người nhiều khi đã áp dụng một cách ồ ạt nhiều công nghệ mới mà không cần tính đến các hậu quả xã hội xa xôi của nó. Mạng thông tin Internet là một ví dụ. Loài người đã hân hoan đón mừng khi nó mới ra đời và không nghĩ rằng nó có thể được sử dụng để trộm cắp các ngân hàng, truyền bá những ấn phẩm độc hại, khiêu dâm trẻ em, cung cấp các dịch vụ tự tử, đầu độc tinh thần con người... Chỉ đến khi những vấn đề này xuất hiện thì loài người mới đau đầu đối phó. Từ thực tế này chúng ta thấy rằng một công nghệ mới trước khi đem vào ứng dụng cần phải được xem xét kỹ lưỡng bởi các nhà chuyên môn có trình độ cao trên nhiều lĩnh vực khoa học tự nhiên, kỹ thuật, tâm lý học, xã hội học, kinh tế học, triết học...

3. Yêu cầu hướng sâu vào đời sống nội tâm, tinh thần để tự điều chỉnh, tạo lập cân bằng và ổn định

Có thể nói, để tránh được những lệch lạc, mất cân bằng trong đời sống đạo đức và tinh thần, để tránh được tình trạng ô nhiễm tâm lý đến mức báo động trong một xã hội tiêu thụ và hưởng lạc do cách mạng khoa học - công nghệ mang lại, con người cần hướng sâu hơn nữa vào đời sống nội tâm, đời sống tinh thần bên trong của chính bản thân mình. Hướng vào đời sống nội tâm để điều chỉnh các hành vi đạo đức theo tiếng gọi của lương tri và trí tuệ cũng là một yêu cầu quan trọng đối với con người trong xã hội hiện đại. Theo hướng này mỗi cá nhân phải tự tạo ra sự ổn định cho riêng mình. Sự ổn định cá nhân cả về các mối quan hệ xã hội bên ngoài lẫn các yếu tố tâm lý, tinh thần bên trong giúp con người có được sự tỉnh táo trong suy luận, xác định được vai trò vị trí của bản thân trong hệ thống chẳng chịt các mối quan hệ rộng lớn, tạo cơ sở cho sự phát triển bền vững nhân cách cá nhân và cộng đồng. Tự tạo ra sự ổn định trong phạm vi cá nhân sẽ góp phần tạo ra sự ổn định cho toàn xã hội. Xét dưới góc độ duy vật biện chứng thì ổn định cá nhân và xã hội là điều kiện và tiền đề cho sự thay đổi trong trạng thái cân bằng.

Hiện nay con người đang sống trong trạng thái mất cân bằng nghiêm trọng. Sự mất cân bằng về môi trường sống, về hệ sinh thái ... mới chỉ là một khía cạnh. Điều nguy hiểm hơn là sự mất cân bằng về đời sống nội tâm, về cuộc sống đạo đức và tinh thần. Con người đang ngày càng tự làm nghèo đi những giá trị tinh thần, đạo đức, luân lý... Làm thế nào để thoát ra khỏi tình trạng nguy hiểm này? Chỉ có một con đường, đó là tìm cách phát triển cuộc sống văn hoá, tinh thần, thức tỉnh lương tâm và trí tuệ của toàn nhân loại. Loài người cần phải có một triết lý sáng suốt về cuộc đời và phương thức hoạt động trên cơ sở một chủ nghĩa nhân văn cao cả kết hợp với tinh thần đổi mới mạnh mẽ. Chủ nghĩa nhân văn phải trở thành hạt nhân trong tâm tưởng mỗi cá nhân trong thời đại ngày nay bởi vì chỉ có lòng nhân văn mới đem lại cho cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại những ý nghĩa trong sáng và mục đích tốt đẹp.

Chỉ có sự phong phú, giàu có về cuộc sống văn hoá và tinh thần mới cho con người khả năng đương đầu với những điều phức tạp, với tính

chất giả tạo của thế giới hiện đại, với những tình trạng phụ thuộc lẫn nhau, với những thách thức bất ngờ mà tự nhiên đặt ra trước con người.

Trong quá khứ, các vấn đề không phức tạp lắm và con người có thể tự cho phép sai lầm. Con người nguyên thủy không có nhiều hiểu biết về thế giới mệnh mông nhưng họ vẫn có đủ kinh nghiệm và khôn ngoan để tồn tại bằng cách sử dụng mặt trời, nước, gió, mưa, khí hậu... để thích nghi với cây cỏ, thiên nhiên nơi họ sống. Con người hiện đại có nhiều trí tuệ, có nhiều phương tiện tinh vi nhưng lại không biết sống hoà hợp với thiên nhiên. Và không những thế, họ còn không biết sống hoà hợp với chính bản thân đồng loại. Điều này thật đáng buồn và đáng chê trách bởi lẽ con người sinh ra là một sinh vật có tinh thần, có tâm hồn, có ý thức.

Con người biết vui chơi, biết làm thơ, biết thưởng thức nghệ thuật, âm nhạc, hội họa,... Vậy tại sao con người không biết cách giao cảm với đất trời, mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông... và với chính tâm hồn con người. Chỉ có một con người nhân văn thực sự mới thực tự nhận thức được ý nghĩa tồn tại của bản thân, do đó mới biết cách xử thế hoà hợp với tự nhiên và đồng loại. Con người có đạo đức cao cả, có lương tri sâu sắc sẽ sử dụng tốt hơn máy tính điện tử, điện thoại di động, vệ tinh vũ trụ, động cơ hạt nhân... để làm cho cuộc sống của con người đẹp hơn, hạnh phúc hơn. Tinh thần nhân văn, lòng bác ái sẽ giúp con người nhận rõ tinh thần trách nhiệm và nghĩa vụ của mình trước lịch sử trường sinh của nhân loại.

MÃY SUY NGHĨ VỀ CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI NỮ TRÍ THỨC VIỆT NAM TRƯỚC THÊM THẾ KỶ XXI

ThS. Ngô Thị Phượng

Nói đến phụ nữ trí thức, không phải là nói đến một giai cấp hay một tầng lớp xã hội, mà chỉ là một bộ phận nhỏ trong đội ngũ trí thức, cũng như trong giới phụ nữ, nhưng lại là một bộ phận rất đặc biệt. Bởi lẽ, khác với những người phụ nữ khác, lao động của họ là lao động trí óc, phức tạp và sáng tạo. Bằng lao động đó họ góp phần sáng tạo và truyền bá trí thức mới, thúc đẩy xã hội phát triển nhanh chóng, bền vững.

Lao động trí óc đòi hỏi phụ nữ trí thức phải có trình độ học vấn, chuyên môn cao, có lòng say mê nghề nghiệp, có phẩm chất đạo đức tốt và bản lĩnh chính trị vững vàng. Đồng thời nữ trí thức cũng khác với nam trí thức ở chỗ, ngoài công việc chuyên môn, họ còn phải đảm đương một khối lượng công việc gia đình không nhỏ: làm con, làm vợ, làm mẹ, làm người xây dựng tổ ấm, tổ chức chính cuộc sống của một gia đình. Như vậy, cùng một lúc người nữ trí thức phải thực hiện cả hai nhiệm vụ: chuyên môn và gia đình, mà nhiệm vụ nào cũng đòi hỏi phải thực hiện tốt. Điều đó thật là khó khăn; nếu để làm chuyên môn tốt, thì họ phải không ngừng học hỏi, phải chắt chiu, tích lũy cho mình có một vốn kiến thức nhất định. Như vậy, họ phải đầu tư nhiều thời gian, sức lực và tâm trí và không nhiều thì ít, họ không thể không "chénh mảng" công việc gia đình. Và ngược lại, nếu để nhiều tâm trí và thời gian cho công việc gia đình, thì công việc chuyên môn nhất định sẽ kém hiệu quả. Còn nếu muốn vừa làm tốt công việc chuyên môn, vừa làm tốt công việc gia đình (vừa đảm việc nhà, vừa giỏi việc nước), đòi hỏi người phụ nữ phải tính toán rất khoa học, để cân đối, sắp xếp thời gian cho các công việc một cách hợp lý, sao cho với một quỹ thời gian tối thiểu mà thu được hiệu quả tối đa. Mặt khác, họ cũng phải có nghệ thuật để thu hút, lôi cuốn các thành viên khác cùng quan tâm.

chăm lo vào công việc gia đình để giảm bớt gánh nặng gia đình của mình. Nhưng làm được những điều đó quả là không dễ dàng gì, và không phải ai cũng làm được.

Hiện nay, nữ trí thức Việt Nam tuy chưa đông đảo, nhưng đã tham gia vào hầu hết các hoạt động xã hội như giảng dạy, nghiên cứu, lãnh đạo, quản lý..., tham gia vào nhiều lĩnh vực khác nhau : Khoa học - Công nghệ, Khoa học Tự nhiên, Khoa học Xã hội Nhân văn, Nghệ thuật và ở các ngành khác nhau như nông nghiệp, công nghiệp, ngoại giao, y tế, giáo dục... Và ở cương vị nào thì nữ trí thức cũng có những đóng góp không nhỏ đối với sự phát triển của đất nước. Có nhiều tấm gương điển hình như: Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình, chị Nguyễn Thị Anh Nhân, chị Ngô Thị Mai, chị Phạm Thị Trân Châu. Nhiều chị vừa là nhà khoa học tài ba, lại vừa là nhà quản lý giỏi. Trong mười năm (1985 - 1995), nước ta có tới 18 nhà khoa học nữ được nhận giải thưởng Kóvalepxcaia. Có thể nói, đến nay nữ trí thức Việt Nam đã tự khẳng định được vị thế, vai trò của mình đối với xã hội. Trong tương lai, với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ, với sự hình thành và phát triển nền kinh tế tri thức, chắc chắn đội ngũ nữ trí thức ngày càng đông đảo, vai trò của họ cũng ngày càng tăng lên.

Bước sang thế kỷ XXI, bao nhiêu vấn đề mới sẽ đến với chúng ta: khoa học và công nghệ tiếp tục phát triển mạnh mẽ, với những bước nhảy vọt chưa từng có, thúc đẩy nhanh chóng tính chất xã hội của lực lượng sản xuất, xu thế toàn cầu hoá thu hút sự tham gia ngày càng nhiều các quốc gia trên thế giới. Trong xu thế đó, Việt Nam muốn phát triển, không thể không chủ động hội nhập vào kinh tế khu vực và thế giới. Cùng với xu hướng toàn cầu hoá, trên thế giới cũng dần hình thành nền kinh tế mới - kinh tế tri thức, nền kinh tế chủ yếu dựa vào tri thức và thông tin... Cùng với những vấn đề đó, thành tựu mà chúng ta đạt được trong thế kỷ XX, đặc biệt những năm của thập kỷ 80, 90 sẽ tạo ra những cơ hội thuận lợi cho phụ nữ trí thức vươn lên theo kịp sự phát triển của thời đại, góp phần vào sự phát triển của đất nước và thực hiện triệt để sự nghiệp giải phóng phụ nữ. Nhưng cũng chính những vấn đề đó lại làm xuất hiện những thách thức lớn, đòi hỏi chị em phụ nữ nói chung và nữ trí thức nói riêng phải có sự cố gắng hết mình; nếu

không, nhất định sẽ bị tụt hậu, mãi mãi sẽ chỉ là "phái yếu". Những cơ hội và thách thức đó là :

Thứ nhất, quyền bình đẳng đối với phụ nữ đã được Đảng và Nhà nước hết sức quan tâm và được thừa nhận bằng pháp luật.

Trong xã hội phong kiến, với đặc điểm của chế độ phụ quyền "nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô", xã hội không tạo cho phụ nữ có bất cứ một cơ hội và điều kiện nào để chăm lo cho quyền lợi của bản thân. Chỉ có rất ít phụ nữ dũng cảm, vượt lên trên những ràng buộc khắt khe của xã hội, tranh thủ học hành để có một trình độ học vấn nhất định, thể hiện được vai trò không nhỏ của mình đối với gia đình và xã hội.

Khi đất nước giành được độc lập, thoát khỏi ách thống trị của thực dân, phong kiến (1945), ngay trong Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà 1946 đã khẳng định: Đàn bà ngang quyền với đàn ông về mọi phương diện - Điều 9, tiếp theo đó - Điều 24 Hiến pháp 1959; Điều 63 Hiến pháp 1980 và Điều 63 Hiến pháp 1992 tiếp tục khẳng định và làm rõ hơn quyền bình đẳng Nam - Nữ. Ngày nay, trên cơ sở Hiến pháp, nước ta có cả hệ thống chính sách quan tâm tới phụ nữ : Bộ luật lao động; Pháp lệnh về nghĩa vụ lao động công ích (22-1-1988); Pháp lệnh Hợp đồng lao động (30-8-1990); Pháp lệnh Bảo hộ lao động (10 - 9 - 1991) và có tới 24 văn bản pháp quy của Nhà nước như : nghị định, nghị quyết, thông tư, điều lệ, quy chế quy định chế độ đối với phụ nữ. Có thể nói hệ thống pháp luật, chính sách của nhà nước ta là sự thừa nhận chính thức của xã hội quyền lợi mà phụ nữ được hưởng, thừa nhận vai trò của phụ nữ. Đây chính là một cơ hội, một môi trường thuận lợi, một công cụ hữu hiệu để phụ nữ nói chung và nữ trí thức nói riêng tự khẳng định vai trò, vị trí của mình trong xã hội, thực hiện bình đẳng Nam - Nữ. Tuy nhiên, cơ hội sẽ không có ý nghĩa gì nếu bản thân chị em không tự vượt lên chính mình, chớp lấy cơ hội để tự giải phóng mình. Hiện nay tâm lý lệ thuộc, an phận, tự ty, hy sinh quyền lợi của bản thân để lo cho gia đình, do đặc điểm của gia đình truyền thống để lại, vẫn còn tồn tại ở phần đông chị em phụ nữ, trong đó có cả nữ trí thức.

Ngoài ra, nữ trí thức còn phải chịu áp lực từ xã hội. Tuy Hiến pháp, pháp luật thì thừa nhận quyền bình đẳng Nam - Nữ; nhưng trong thực tế, định kiến coi thường phụ nữ vẫn còn tồn tại trong xã hội Việt Nam. Có những công trình nghiên cứu hiện nay cho thấy : các gia đình có xu hướng đầu tư cho việc học tập của con trai nhiều hơn là con gái. Sự nhận thức thế nào là bình đẳng Nam - Nữ; thế nào là giải phóng phụ nữ còn chưa được mọi người hiểu một cách đúng đắn và thấu đáo. Do vậy, việc triển khai, thực hiện còn mang nặng tính hình thức, tất cả những điều đó đã cản trở không nhỏ đến sự vươn lên của nữ trí thức.

Thứ hai, sau 15 năm đổi mới đất nước (1985 - 2000), 10 năm thực hiện chiến lược phát triển kinh tế xã hội (1991 - 2000) chúng ta đã đạt được thành tựu to lớn và quan trọng trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội : nền kinh tế tiếp tục phát triển nhanh, đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội; đời sống của nhân dân được cải thiện đáng kể về vật chất và tinh thần; tình hình chính trị ổn định, quốc phòng, an ninh được củng cố tăng cường. Đây chính là cơ sở, nguồn lực quan trọng cho lao động sáng tạo của nữ trí thức. Mặt khác, trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, đội ngũ trí thức và sản phẩm lao động của họ được đánh giá rất cao, nữ trí thức cũng như đội ngũ trí thức nói chung đều có thể sống bằng chính lao động của mình, không còn cảnh các nhà khoa học hết giờ lao động, ra khỏi cơ quan phải may thuê, đan len thuê, đưa hàng, chạy chợ... để tăng thu nhập, đảm bảo cuộc sống gia đình. Họ có điều kiện để chuyên tâm vào công việc chuyên môn của mình, có điều kiện để học hỏi nâng cao trình độ học vấn và chuyên môn của mình. Vì vậy, hàng năm số chị em có học hàm, học vị ngày càng tăng lên.

Năm 1992 số chị em tiến sĩ chiếm 4,82%.

Năm 1995 con số này tăng lên 4,95%.

Năm 1982 số chị em là giáo sư chiếm 3,33%, phó giáo sư: 3,53%.

Năm 1995 số chị em là giáo sư tăng lên chiếm 3,9%, phó giáo sư là 4,64%. Sự phát triển của đất nước, sự trưởng thành của chị em, đã tạo điều kiện cho nữ trí thức khẳng định mình.

Việc chuyển từ nền kinh tế tập trung, bao cấp sang nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN dưới sự quản lý của Nhà nước là sự

sáng tạo kỳ diệu của chúng ta. Song cũng chính nền kinh tế thị trường với sức cạnh tranh quyết liệt cũng lại là một thách thức đối với nữ trí thức nếu họ không có sự nhạy cảm năng động để đáp ứng với nó. Thực tế, có người không thích ứng với tính năng động của nền kinh tế thị trường, cảm thấy mình lạc hậu, có tâm lý bị xã hội bỏ rơi, dẫn đến tình trạng buông xuôi, không muốn phấn đấu. Cũng có người lại bị cuốn hút vào dòng xoáy của cơ chế thị trường đã không giữ được phẩm chất, đạo đức, bản lĩnh chính trị của người trí thức chân chính. Để tránh cả hai khả năng đó, nữ trí thức phải biết phát huy khả năng vốn có của mình, mạnh mẽ vươn lên chớp lấy thời cơ, thuận lợi, vượt qua thách thức để tiếp tục khẳng định vai trò của mình. Ngoài ra, nền kinh tế thị trường, nhịp sống hiện đại đang làm nảy sinh xu hướng ly tâm của gia đình, điều này càng tăng thêm thách thức đòi hỏi nữ trí thức phải cố gắng để thực hiện thiên chức xây dựng tổ ấm gia đình, giải quyết hài hoà giữa nhiệm vụ gia đình và xã hội.

Thứ ba, dự báo thế kỷ thứ XXI sẽ là thế kỷ của sự chuyển đổi từ nền công nghiệp sang kinh tế tri thức. Động lực mạnh mẽ của sự chuyển đổi ấy là sự phát triển như vũ bão của khoa học và công nghệ hiện đại. Trong nền kinh tế đó, công nghệ thông tin được ứng dụng rộng rãi trong mọi lĩnh vực, mạng thông tin đa phương tiện sẽ kết nối mọi người, mọi gia đình trên hành tinh với nhau. Thông tin trở thành tài nguyên quan trọng nhất đối với sự phát triển. Mọi người đều có nhu cầu thông tin và có điều kiện để truy nhập thông tin cần thiết.

Với mạng thông tin đa phương tiện đã thúc đẩy nhanh quá trình dân chủ hóa đời sống xã hội, và điều đó sẽ là môi trường thuận lợi cho khả năng sáng tạo của tất cả mọi người. Cũng trong nền kinh tế tri thức sự sáng tạo, sự đổi mới thường xuyên là động lực chủ yếu nhất thúc đẩy sự phát triển. Công nghệ đổi mới rất nhanh chóng, vì vậy xã hội đòi hỏi mọi người phải học tập thường xuyên liên tục, phát triển trí sáng tạo : học ở trường, học cả khi đã ra làm việc, thậm chí học suốt đời. Với những đặc trưng này, nền kinh tế tri thức là cơ hội quý báu để Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Vì vậy Đảng ta chủ trương: Việt Nam hội nhập vào kinh tế thế giới và khu vực, chủ động đi thẳng vào kinh tế tri thức để rút ngắn khoảng cách với các nước phát triển, tránh nguy cơ tụt hậu. Những yếu tố trên

đây chính là cơ hội thuận lợi để nữ trí thức Việt Nam có thể bổ túc cập nhật kiến thức, chủ động theo kịp sự đổi mới thường xuyên của xã hội. Cũng phải nói thêm rằng thuận lợi của nữ trí thức là họ đã có sự hiểu biết, trình độ học vấn, chuyên môn nhất định làm nền tảng cho việc tiếp tục cập nhật tri thức mới. Tuy nhiên, những yếu tố trên chỉ là cơ hội thuận lợi với những ai đã có sự chuẩn bị hành trang để tiếp nhận cái mới, có ý chí quyết tâm vươn lên, nếu không nó sẽ là thách thức, là khó khăn, là áp lực đối với chúng ta khi bước sang thế kỷ XXI. Ngay cả khi, các chị em đã có sự chuẩn bị điều kiện để tiếp cận cái mới, thì không phải ai cũng có thể tiếp thu được cái mới. Bởi vì, nữ trí thức ngoài công việc chuyên môn, còn phải đảm đương bao công việc gia đình như những phụ nữ khác. Trong khi quỹ thời gian của họ bị hạn chế. Về mặt sinh học, thì sức khỏe của nữ trí thức cũng không bằng nam giới. Khả năng tư duy, thích ứng với sự đổi mới thường xuyên kém hơn. Tuổi đời của nữ trí thức khá cao, đặc biệt ở nữ trí thức có học hàm, học vị.

Tóm lại, kết thúc thế kỷ XX bước sang thế kỷ XXI, có nhiều vấn đề tác động tích cực và tiêu cực đến nữ trí thức Việt Nam. Có những vấn đề nảy sinh từ điều kiện trong nước hoặc quốc tế, có những vấn đề từ xã hội, gia đình hoặc tự bản thân chị em, tất cả những vấn đề đó đều có thể là cơ hội hoặc thách thức, điều đó phụ thuộc phần lớn vào bản thân chị em. Nếu chúng ta biết nhìn nhận, phân tích vấn đề, thấy được cái mà chúng ta đã có, đang có, và sẽ có, dự đoán được những gì sẽ xảy ra với chúng ta, nhận thức được vị trí, vai trò của mình, khả năng và hạn chế của mình, sẵn sàng vượt lên chính hạn chế của bản thân mình để theo kịp thời đại. Chính đó là lúc ta đã biết chớp thời cơ thuận lợi. Còn nếu chúng ta không tự vươn lên, không đấu tranh với bản thân, không biết sử dụng thời cơ thuận lợi, thì chính chúng ta đã biến cơ hội thành thách thức, thành áp lực ngăn cản bước đường phấn đấu của chính mình. Vậy muốn cơ hội không trở thành thách thức, trước hết nữ trí thức Việt Nam phải chủ động vươn lên, phát huy nội lực của bản thân. Đúng như lời Bác Hồ dạy: "Để thật sự bảo vệ quyền lợi của phụ nữ thì: Bản thân chị em phụ nữ phải có chí tự cường, tự lập, phải đấu tranh để bảo vệ quyền lợi của mình". Đảng và Nhà nước cũng cần có chính sách thiết thực hơn nữa để giúp đỡ phụ nữ, đặc biệt nữ trí

thức. Đồng thời cần có sự quan tâm, trách nhiệm chung của toàn xã hội, của gia đình, của nam giới.

CHÚ THÍCH

* *Hồ Chí Minh toàn tập*. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, T10, Tr 226.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Tư tưởng - Văn hoá trung ương, *Tài liệu hướng dẫn nghiên cứu các văn kiện (dự thảo) trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng*. NXB Chính trị Quốc gia, H . 2000.
2. *Gia đình và địa vị người phụ nữ trong xã hội*. NXB Khoa học Xã hội, H. 1995.
3. *Hồ Chí Minh toàn tập*. NXB Chính trị Quốc gia, H . 2000 , Tập 10.
4. *Tạp chí Cộng sản*, Số 5 tháng 3 - 1999.
5. *Tạp chí Cộng sản*, Số 8 tháng 4 - 2000.

SỰ THỐNG NHẤT GIỮA BẢN CHẤT GIAI CẤP, TÍNH DÂN TỘC, TÍNH NHÂN DÂN - ĐẶC TRƯNG BẢN CHẤT CỦA NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TS. Trịnh Trí Thức

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, một nhà nước kiểu mới chưa từng có trong lịch sử Việt Nam đã ra đời, đó là Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nay là Nhà nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa (CHXHCN) Việt Nam.

Cũng như mọi nhà nước khác, Nhà nước CHXHCN Việt Nam mang bản chất giai cấp sâu sắc. Đó là bản chất giai cấp công nhân. Ngoài bản chất giai cấp công nhân, Nhà nước CHXHCN Việt Nam còn mang tính dân tộc, tính nhân dân rộng rãi.

Bản chất giai cấp, tính dân tộc, tính nhân dân của Nhà nước CHXHCN Việt Nam là thống nhất và sự thống nhất này là đặc trưng, là bản chất riêng của Nhà nước CHXHCN Việt Nam nói riêng, nhà nước của giai cấp công nhân nói chung. Sự thống nhất này là có cơ sở kinh tế - xã hội của nó, đó là chế độ sở hữu XHCN về tư liệu sản xuất và sự phù hợp, thống nhất về những lợi ích cơ bản, lâu dài giữa giai cấp công nhân - giai cấp cầm quyền - với các giai cấp, tầng lớp nhân dân và các dân tộc.

Nhà nước nào cũng mang bản chất giai cấp và ít nhiều mang tính dân tộc. Nhà nước nào cũng có chức năng xã hội hay tính công quyền, tính xã hội. Nhưng về cơ bản, nhà nước của các giai cấp bóc lột không có tính nhân dân, chỉ có nhà nước của giai cấp công nhân mới mang tính nhân dân. Với chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, sự đối lập về lợi ích căn bản giữa giai cấp thống trị với các giai cấp, tầng lớp nhân dân lao động, nhà nước của các giai cấp bóc lột không có cơ sở kinh tế - xã hội cho sự thống nhất bền chặt giữa bản chất giai cấp, tính dân tộc, tính xã hội. Chỉ có nhà nước của giai cấp công nhân mới có

điều kiện, tiền đề, cơ sở cho sự kết hợp thống nhất giữa bên cạnh giai cấp, tính dân tộc và tính nhân dân.

Sự thống nhất giữa bản chất giai cấp, tính dân tộc, tính nhân dân của Nhà nước CHXHCN Việt Nam thể hiện ở chỗ:

- Nhà nước CHXHCN Việt Nam không chỉ là nhà nước của giai cấp công nhân, do giai cấp công nhân xây dựng lên, mà còn là nhà nước của nhân dân. Nhân dân lập ra, nuôi dưỡng, kiểm soát nhà nước, mọi công việc của nhà nước đều do dân thực hiện. Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, tức cơ quan quyền lực từ trung ương đến cơ sở đều do dân bầu ra, bao gồm trong đó không chỉ có đại biểu của giai cấp công nhân, mà còn có đại biểu của các giai cấp, tầng lớp nhân dân và các dân tộc.

- Nhà nước CHXHCN Việt Nam không chỉ đại biểu cho ý chí, quyền lực của giai cấp công nhân mà còn đại biểu cho ý chí, quyền lực của các tầng lớp nhân dân. Quyền lực nhà nước thuộc về toàn thể nhân dân chứ không thuộc riêng về giai cấp công nhân.

- Nhà nước CHXHCN Việt Nam không chỉ là công cụ chính trị, công cụ bạo lực sắc bén của giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh bảo vệ và thực hiện lợi ích của mình, mà còn là công cụ chính trị chủ yếu của toàn dân, toàn dân tộc trong cuộc đấu tranh giành, giữ độc lập dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhiệm vụ trọng yếu của Nhà nước CHXHCN Việt Nam trong giai đoạn cách mạng hiện nay là lãnh đạo, tổ chức toàn dân thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Mục tiêu này là sự kết hợp nhuần nhuyễn trong nó nội dung giai cấp, tính dân tộc, tính nhân dân sâu sắc của nhà nước ta.

- Nhà nước CHXHCN Việt Nam không chỉ là người đại biểu, bảo vệ, thực hiện lợi ích cho giai cấp công nhân, mà còn là người đại biểu, bảo vệ, thực hiện lợi ích chân chính của các tầng lớp nhân dân và các dân tộc trong nước.

- Bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước CHXHCN Việt Nam càng sâu sắc, triệt để thì tính dân tộc và tính nhân dân của nhà nước càng thể hiện rõ. Ngược lại, nhà nước càng thể hiện tính dân tộc, tính nhân dân sâu sắc trong tổ chức và hoạt động của mình thì cơ sở xã hội của nhà nước càng rộng rãi, khối đoàn kết dân tộc càng lớn, nền tảng nhân dân của chính quyền càng mạnh, bản chất giai cấp công nhân càng triệt để, sức mạnh của nhà nước càng tăng.

Sự thống nhất giữa bản chất giai cấp, tính dân tộc, tính nhân dân thể hiện bản chất, tính ưu việt của Nhà nước CHXHCN Việt Nam; đồng thời sự thống nhất này chính là nguồn gốc sức mạnh vô địch của nhà nước do giai cấp công nhân lãnh đạo. Sự thống nhất giữa bản chất giai cấp, tính dân tộc, tính nhân dân không chỉ là đặc trưng bản chất của Nhà nước CHXHCN Việt Nam, mà còn là một nguyên tắc cơ bản xây dựng nhà nước, mang tính quy luật phổ biến của kiến trúc thượng tầng chính trị xã hội chủ nghĩa mà các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn những người cộng sản. Nguyên tắc này cần phải được quán triệt trong suốt quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Sự thống nhất giữa bản chất giai cấp, tính dân tộc, tính nhân dân là đặc trưng bản chất của Nhà nước CHXHCN Việt Nam nói riêng, nhà nước xã hội chủ nghĩa nói chung. Tuy nhiên cũng cần phải hiểu rằng sự thống nhất này không phải là giản đơn, xuôi chiều mà là sự thống nhất biện chứng có mâu thuẫn. Sở dĩ như vậy vì ngoài lợi ích chung, các giai cấp, tầng lớp nhân dân lao động còn có lợi ích riêng; ngoài lợi ích chung của cả quốc gia, còn có lợi ích riêng của các dân tộc; ngoài lợi ích trước mắt còn có lợi ích lâu dài. Mặt khác, giữa giai cấp công nhân với các giai cấp, tầng lớp nhân dân lao động không phải lúc nào, ở đâu, bao giờ cũng có sự phù hợp tuyệt đối về các lợi ích. Muốn đảm bảo sự thống nhất thì điều kiện quan trọng trước tiên là phải xử lý đúng đắn các quan hệ lợi ích giữa giai cấp công nhân với các giai cấp, tầng lớp nhân dân; giữa lợi ích giai cấp với lợi ích dân tộc; giữa lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài. Xử lý đúng đắn các mối quan hệ lợi ích sẽ tạo nên sự thống nhất, tạo nên sức mạnh và nếu xử lý sai sẽ dẫn đến mâu thuẫn làm suy giảm sức mạnh của nhà nước.

Trong quá trình cách mạng Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và sau đó là Nhà nước CHXHCN Việt Nam đã giải quyết khá tốt các quan hệ lợi ích, phù hợp với từng giai đoạn cách mạng. Nhờ đó mà đã tạo nên được sự thống nhất giữa bản chất giai cấp, tính dân tộc, tính nhân dân của nhà nước, tạo nên sức mạnh to lớn, giúp nhà nước vượt qua được những khó khăn thử thách to lớn mà có những lúc tưởng như không thể vượt qua được, lãnh đạo nhân dân hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, chiến thắng mọi kẻ thù để tiến lên.

Tuy nhiên, thực tiễn cách mạng Việt Nam từ khi Nhà nước ta ra đời đến nay cũng cho thấy không phải lúc nào Đảng và Nhà nước cũng luôn luôn giải quyết được một cách đúng đắn quan hệ giữa lợi ích giai cấp công nhân với lợi ích của các giai cấp, tầng lớp nhân dân lao động; giữa lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc; không phải lúc nào cũng kết hợp được một cách nhuần nhuyễn bản chất giai cấp, tính dân tộc, tính nhân dân. Ở thời kỳ trước đổi mới (1986), đã có lúc do quá nhấn mạnh bản chất giai cấp, lợi ích giai cấp nên đã dẫn đến chỗ không chú ý đầy đủ, đúng mức đến việc thực hiện chức năng xã hội của nhà nước, đáp ứng những nhu cầu, lợi ích chính đáng thiết thân của các tầng lớp nhân dân, các dân tộc, làm cho sự kết hợp giữa bản chất giai cấp, tính dân tộc, tính nhân dân của nhà nước thiếu sự thống nhất, sức mạnh của nhà nước yếu đi. Thực tiễn cách mạng nước ta cũng cho thấy: tuyệt đối hóa bất kỳ tính chất nào của nhà nước đến mức phủ nhận tính chất kia đều dẫn đến sai lầm, làm suy giảm sức mạnh của nhà nước, làm cho tính ưu việt của nó không phát huy được đầy đủ.

Sự thống nhất giữa bản chất giai cấp, tính dân tộc, tính nhân dân là đặc trưng, bản chất của nhà nước CHXHCN Việt Nam. Tuy nhiên để đạt được một sự thống nhất bền vững phải trải qua một quá trình đấu tranh xây dựng lâu dài. Không thể có ngay một sự thống nhất bền vững khi nền tảng kinh tế của chế độ xã hội chủ nghĩa chưa được xác lập vững chắc, khi trong xã hội vẫn còn phân chia giai cấp, vẫn còn những lợi ích khác nhau, đối lập nhau.

Nước ta hiện nay đang trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước hướng tới mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội

công bằng, dân chủ, văn minh". Để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, trong điều kiện tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp, các thế lực thù địch thường xuyên phá hoại, trình độ phát triển còn quá thấp,... chúng ta phải phát huy sức mạnh của toàn dân tộc, tiếp tục xây dựng củng cố nhà nước, phát huy sức mạnh của nhà nước, và vì vậy việc củng cố tăng cường sự thống nhất giữa bản chất giai cấp, tính dân tộc, tính nhân dân của Nhà nước ta là một yêu cầu khách quan, cấp bách.

Muốn tăng cường sự thống nhất giữa bản chất giai cấp, tính dân tộc, tính nhân dân của Nhà nước CHXHCN Việt Nam, theo chúng tôi, cần phải:

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, bao gồm: lãnh đạo xây dựng, củng cố nhà nước trong sạch vững mạnh, khắc phục dần những yếu kém, khuyết điểm của Nhà nước như Nghị quyết Đại hội VIII, Nghị quyết Ban chấp hành Trung ương lần thứ ba (khoá VIII) đã chỉ ra, làm cho Nhà nước thực sự là Nhà nước của dân, do dân, vì dân; lãnh đạo Nhà nước để Nhà nước cụ thể hoá ngày càng đầy đủ quan điểm, đường lối của Đảng thành hệ thống các chính sách, luật pháp và tổ chức hiện thực hoá nó trong cuộc sống; lãnh đạo Nhà nước trong việc xây dựng và phát triển quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, củng cố và tăng cường kinh tế quốc doanh, kinh tế hợp tác xã, xây dựng và quản lý thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Thực chất của việc xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa là xây dựng nền tảng kinh tế của sự thống nhất giữa bản chất giai cấp, tính dân tộc, tính nhân dân của Nhà nước; lãnh đạo Nhà nước trong việc phát huy tốt hơn và nhiều hơn quyền làm chủ của nhân dân trong xây dựng và bảo vệ Nhà nước, nhất là việc giám sát, kiểm tra của nhân dân đối với hoạt động của cơ quan và cán bộ, công chức nhà nước. Sự lãnh đạo của Đảng là yếu tố quan trọng nhất để bảo đảm sự thống nhất giữa bản chất giai cấp, tính dân tộc, tính nhân dân của Nhà nước ta.

- Đảng cần tiếp tục bổ sung, hoàn thiện và cụ thể hoá đường lối, chủ trương, chính sách của mình theo hướng chú ý đến mọi lợi ích, kết hợp đúng đắn các lợi ích: lợi ích giai cấp, lợi ích dân tộc; lợi ích trước mắt, lợi ích lâu dài; lợi ích giai cấp của công nhân, lợi ích của các giai

cấp, của các tầng lớp khác trong nhân dân, lợi ích các dân tộc. Muốn vậy cần phải tiến hành điều tra cơ bản, nắm chắc nhu cầu, lợi ích của các tầng lớp nhân dân, các dân tộc, phát hiện những vướng mắc, những vấn đề mới nảy sinh, kịp thời sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.